TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊNTHÀNH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **79**/2019/HSST
Ngày 25 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: bà Lê Thị Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Lệ Lan - ông Ngô Trọng Thế.
***- Thư ký phiên toà*:** ông Đào Quang Sáng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Lê Tời - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số:78/2019/HSST, ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Chu Văn N, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1995 tại xã P, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn:9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T và bà Phan Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/3/2019 đến ngày 11/3/2109 bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 11/3/2019 đến ngày 21/3/2109 được bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người bị hại: chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1996.
Địa chỉ: xóm 6, xã V, huyện Y , tỉnh Nghệ An (có mặt)
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
ông Nguyễn Duy T - sinh năm 1974.
Địa chỉ: xóm 3, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)
Nhân chứng: Lê Văn T - sinh năm 1999
Địa chỉ: xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 04/3/2019, Chu Văn N; Chu Văn H và Lê Văn T ngồi uống rượu trong khuôn viên lễ hội đền Đ thuộc xóm X, xã P, huyện Y. Đến 19 giờ cùng ngày sau khi uống rượu xong Lê Văn T sang bàn khác tiếptục uống rượu còn N và H ra khỏi quán để xem lễ hội. Trên đường đi N nảy sinh ý định cưỡng đoạt tài sản nên

nói với H "dừ ta đi làm luật" (ý nói là đi thu tiền bảo kê của một số người bán hàng tại lễ hội Đ) thì H nói "ừ, ta đi làm luật thu tiền bảo kê". Sau đó N và H đến quán nước giải khát của chị Nguyễn Thị T ở trong khuôn viên lễ hội đền Đ yêu cầu chị T nộp tiền bảo kê, N nói với chị T "đã ai thu tiền bảo kê chưa" thì chị T trả lời "có cán bộ UBND xã thu tiền thuế rồi" nhưng N và H vẫn yêu cầu chị T gọi người đã thu tiền đến để gặp. N nói "cho bọn tui thu tiền bảo kê" thì chị T không đồng ý nên H đe dọa "dừ chị có đưa tiền không" ngay sau đó ngay Lê Văn T đến quán nước, lúc này chị T gọi điện cho bố mình là ông Nguyễn Duy T đến để giải quyết. Khi gặp N và H ông Trọng hỏi "các chú có việc chi" thì H trả lời "thu tiền bảo kê", ông T nói "quán ni UBND xã đã thu tiền rồi, quán nhỏ không bán được hàng xin các anh đừng thu tiền nữa". Khi nghe ông T nói vậy H liền đứng dậy nói "có thích bán nữa hay không là dỡ quán, nếu không nộp tiền thì không cho khách vào quán uống nước" và đe dọa đánh ông Trọng. Thấy vậy T vào can ngăn nhưng không được. Do sợ các đối tượng trên phá quán và đánh ông T nên chị T nói "các anh thu mấy tiền để tôi nộp" thì N nói "thu 200.000 đồng tiền bảo kê" và chị T đưa số tiền 200.000 đồng gồm 4 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Sau khi nhận tiền N cho chị T số điện thoại của mình là 0358350227 chiếc điện thoại di động Samsung J3 màu đen mà nI đang sử dụng và nói " nếu từ bây giờ cho đến hết lễ hội, nếu có ai quậy phá thì chị cứ gọi cho tôi để chúng tôi đến giải quyết" sau đó các đối tượng rời khỏi quán nước và chị T ngay sau đó đã trình báo lên Công an xã P và công an xã đã phối hợp với công an huyện Yên Thành để làm rõ sự việc. Lúc đến thì chỉ có N có mặt tại khu vực còn H đã bỏ trốn.

Vật chứng: số tiền 200.000 đồng và chiếc điện thoại di động Samsung J3 màu đen chứa số sim 0358350227.

Tại bản cáo trạng số 88/VKS-HS ngày 01/7/2019 của VKSND huyện Yên Thành đã truy tố Chu Văn N về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 - 30 tháng. Bị cáo không có tranh luận gì, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ buộc tội: Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên; Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà, bị cáo Chu Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã có hành vi dùng lời nói để đe dọa người bị hại "có thích bán bán nữa không hay là dỡ quán, nếu không nộp tiền thì không khách vào uống nước" như đã nêu trên. Nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành truy tố bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 170 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang bất an cho người dân. Vì thế, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã đến nhà bị hại xin lỗi và hoàn lại số tiền 200.000 đồng cho chị T đồng thời chị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài lần phạm tội này tại địa phương luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật; thực hiện tốt các nghĩa vụ công dân; có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, cần xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, không nhất thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà tiếp tục giao cho gia đình và địa phương quản lý, giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra phải áp dụng khoản 5 điều 170 BLHS phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo, nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định,hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nghĩ nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong vụ án này Chu Văn H là người có hành vi đe dọa chị T để lấy tiền, nhưng sau khi phạm tội đã bỏ trốn. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành tạm đình chỉ, tách vụ án đối với Chu Văn H, bắt được xử lý sau. Đối với Lê Văn Tmặc du đi cùng N và H nhưng không bàn bạc thống nhất với H, N về việc lấy tiền mà nghe ồn ào, to tiếng nên vào can ngăn, vì vậy cơ quan Công an huyện Yên Thành không xử lý hình sự đối với T là đúng quy định.

[5] Về xử lý vật chứng: Số tiền 200.000 đồng bị hại Nguyễn Thị T đã nhận lại và không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Áp dụng các quy định của pháp luật trả lại chiếc điện thoại di động Samsung J3 màu đen chứa số sim 0358350227 cho bị cáo vì xét không ảnh hưởng đến xử lý vụ án và thi hành án (vật chứng được quản lý tại kho của chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo phiếu nhập kho NK080 ngày 28/6/2019);

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 1,khoản 2 điều 65 BLHS.

[1] Xử phạt: **Chu Văn N 12 (**mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thử thách **24** (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Chu Văn N cho UBND xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Trả lại 01 chiếc điện thoại di động Samsung J3 màu đen chứa số sim 0358350227 cho bị cáo Chu Văn N vì không ảnh hưởng đến xử lý vụ án và thi hành án.

(Tang vật đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành quản lý theo phiếu nhập kho số NK 080 ngày 28/6/2019).

[3] Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Chu Văn N phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong 15 ngày, nhưng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Nhung

Nơi nhận:
- Công an YT
- Viện kiểm sát YT
- Viện kiểm sát Tỉnh
- Sở tư pháp NA
- Tòa án Tỉnh
- THA hình sự;
-UBND xã P
- THA Dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.